

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2019

V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thành**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Nguyễn Văn Trước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*
Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 351/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Lê Thị B và anh Trần Thanh T đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2006 tại UBND xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T có thói quen uống rượu với bạn bè không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, bản thân chị B đã nhiều lần

khuyến ngăn anh T để cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Quốc C, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Lê Gia H, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay 02 con chung đang chung sống cùng với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đồng thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Quốc C, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Lê Gia H, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay 02 con chung đang chung sống cùng với chị B. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Quốc C, anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con đồng thời anh T đồng ý giao cháu Trần Lê Gia H cho chị Lê Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa hôm nay:*

- Nguyên đơn chị Lê Thị B và bị đơn anh Trần Thanh T vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Trần Thanh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Lê Thị B và anh Trần Thanh T đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2006 tại UBND xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Thanh T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị B, do đó cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Trần Thanh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Quốc C, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Lê Gia H, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay 02 con chung đang chung sống cùng với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đồng thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Lê Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, 02 cháu Trần Lê Quốc C và Trần Lê Gia H có trình bày trong bản tự khai đề ngày 20/9/2019, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, 02 cháu Trần Lê Quốc C và Trần Lê Gia H có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Lê Thị B. Do đó cần ghi nhận nguyện vọng của 02 cháu Trần Lê Quốc C và Trần Lê Gia H, giao 02 cháu Trần Lê Quốc C và Trần Lê Gia H cho chị Lê Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của 02 cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của anh Trần Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Quốc C đồng thời không yêu cầu chị Lê Thị B cấp dưỡng nuôi con là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị B là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Quốc C, sinh ngày 10/7/2007 và Trần Lê Gia H, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay 02 con chung đang chung sống cùng với chị B. Khi ly hôn, giao 02 cháu Trần Lê Quốc C và Trần Lê Gia H cho chị Lê Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị B nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0005063 ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Thành

